

Bản án số: 64/2018/HSPT

Ngày: 26-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Lộc.

Ông Trương Cao Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo Võ Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2018/HS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Văn T (tên gọi khác: Sa); sinh ngày: 21/9/1996 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số nhà 3/104 đường Điện Biên P, phường Trường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn H và bà Cái Thị Mỹ L; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/11/2013 bị Công an phường Phường Đ, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, hình thức phạt tiền, mức phạt 750.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày: 13/9/2017 đến ngày 04/10/2017 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm di khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Võ Văn H và bà Cái Thị Mỹ L, địa chỉ: 7/15 Minh M, phường Thủy X, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng ông Võ Văn H và bà Cái Thị Mỹ L kinh doanh cửa hàng dịch vụ cầm đồ Thành Nhân tại số nhà 99 đường Phan Bội C, phường Phước V, thành phố H. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 07/5/2017, Võ Văn T đến cửa hàng của bố mẹ mình chơi, thấy trong cửa hàng không có ai trông giữ nên T nảy sinh ý định lấy xe mô tô do khách đưa đến cầm cố cho bố mẹ mình để đem đi cầm cố nơi khác lấy tiền tiêu xài. Thành quan sát thấy ở cửa hàng có chiếc xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 75G1-230.59, T đi lên gác lửng lục tìm lấy chìa khóa điện và 01 giấy đăng ký xe mô tô 75G1-230.59 mang tên Hồ Tấn P, rồi xuống mở khóa, điều khiển xe đi cầm. Trên đường đi, T gặp bạn là anh Nguyễn Văn Th đi cùng một người tên B (không rõ lai lịch). Do không có giấy Chứng minh nhân dân, sợ không cầm được xe nên T nhờ anh Th dùng Chứng minh nhân dân của anh Th để cùng đi cầm xe giúp T, anh Th đồng ý. Sau đó, T, Th và B đi liên hệ nhiều nơi để cầm xe nhưng không được. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T dẫn Th đến tiệm cầm đồ Thanh Thanh của anh Nguyễn Tấn Tr. Tại đây, Thành đưa xe và giấy đăng ký xe cho anh Th vào trực tiếp gặp anh Tr để liên hệ cầm cố còn T đứng ngoài đợi. Sau khi kiểm tra, thấy giấy đăng ký xe mô tô không trùng tên với giấy Chứng minh nhân dân của anh Th nên anh Tr hỏi anh Th. Do không biết rõ về nguồn gốc của xe nên anh Th quay ra hỏi T thì được T trả lời là xe của T mới mua lại, chưa làm thủ tục sang tên. Tin là thật nên anh Th vào nói lại với anh Tr và được anh Tr nhận cầm cố xe mô tô 75G1-230.59 với giá 40.000.000 đồng. Anh Tr lấy trước 1.200.000 đồng tiền lãi và đưa cho anh Th 38.800.000 đồng. Toàn bộ số tiền này anh Th mang ra giao cho T. Sau khi có được tiền, Thành sử dụng tiền tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda SH biển số 75G1-230.59; 01 giấy đăng ký xe mô tô 75G1-230.59 có tên Hồ Tấn P; 01 giấy Chứng minh nhân dân tên Hồ Tấn P; 01 giấy mượn tiền ghi ngày 07/5/2017 có nội dung Nguyễn Văn Th có mượn của Lê Thị Kim T số tiền 40.000.000 đồng; 01 bản sao giấy Chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn Th.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 188/KL-HĐĐG ngày 23/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H xác định: Giá trị xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 75G1-230.59 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 65.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô hiệu Honda SH biển số 75G1-230.59, 01 giấy đăng ký xe mô tô 75G1-230.59 và 01 giấy Chứng minh nhân dân có tên Hồ Tấn P cho ông Võ Văn H. Ông H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Võ Văn T đã trả lại cho anh Nguyễn Tấn Tr số tiền 40.000.000 đồng. Anh Tr không có yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 19/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Võ Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án được trừ thời gian tạm giam từ ngày 13/9/2017 đến ngày 04/10/2017.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/01/2018, bị cáo Võ Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt. Tại Biên bản lấy lời khai của Tòa án cấp sơ thẩm lập ngày 02/02/2018, bị cáo Võ Văn T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của bị cáo là trong hạn luật định và hợp pháp; Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ nhân thân, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Võ Văn T 01 năm 06 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ hình phạt mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Võ Văn T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 07/5/2017, tại cơ sở dịch vụ cầm đồ Thành Nhân của ông Võ Văn H và bà Cái Thị Mỹ L, nhà số 99 đường Phan Bội C, phường Phước V, thành phố H; Võ Văn T đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt của Ông H chiếc xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 75G1-230.59 trị giá 65.000.000 đồng rồi đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tại phiên tòa, bị cáo T và người bị hại ông Võ Văn H có khai nại thêm là giá trị chiếc xe mô tô hiệu Honda SH là cao nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về giá trị xe. Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm bà L có đề nghị xem xét về giá trị của chiếc xe nhưng sau khi xét xử sơ thẩm Ông H và bà L không kháng cáo. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã công bố nội dung Biên bản định giá ngày 23/5/2017 và Ông H cũng thừa nhận là chữ viết và

chữ ký của ông trong biên bản này, do vậy không có căn cứ để xem xét lại giá trị của chiếc xe theo khai nại của bị cáo T và Ông H.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo Võ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Võ Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo đó là: Lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại, người bị hại là bố mẹ ruột của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo đồng thời cho bị cáo được hưởng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ. Tuy nhiên, áp dụng mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành mức hình phạt tù đủ để răn đe giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên, cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo mà giữ nguyên biện pháp chấp hành hình phạt tù như bản án sơ thẩm và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo T không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 355; Điểm c Khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Võ Văn T, sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo.

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Võ Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án được trừ thời gian tạm giam từ ngày 13/9/2017 đến ngày 04/10/2017.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Văn T không phải chịu.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT 1 TANDTC;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT- Huế;
- Phòng PV27-CA tỉnh TT Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT Huế
- TAND TP Huế;
- VKSND TP Huế;
- Công an TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trọng